

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 171/2017/DS – ST

Ngày: 28-9-2017

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chót

Ông Phạm Hiếu Thiện

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 140/2017/TLST - DS ngày 30 tháng 5 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2010/2017/QĐST- DS ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Trụ sở: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Hiếu T, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam huyện P, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ: 235/3 đường Trần Thị Tiết, khu phố 3, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre; Theo văn bản ủy quyền số: 4716 ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (ông Huỳnh Hiếu T có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Nhựt T, sinh năm 1966 (có mặt)

Nơi cư trú: 98/2 ấp AH, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị H, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 92/2 ấp AH, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2017, quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam ông Huỳnh Hiếu T trình bày:*

Ngày 28/4/2014 Phòng giao dịch của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh huyện Thanh Phú (gọi tắt là Ngân hàng) có cho ông Trần Nhựt T vay vốn với số tiền là 25.000.000 đồng, mục đích để nuôi bò phát triển kinh tế, thời hạn là 36 tháng với lãi suất 0,78%/tháng, lãi quá hạn 1,014%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 19/4/2017. Ngày 11/9/2014 ông T đã trả cho Ngân hàng được 1.000.000 đồng tiền vốn, tiền vốn còn lại là 24.000.000 đồng Ngân hàng yêu cầu ông Trần Nhựt T cùng bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng tiền gốc và lãi nhiều lần nhưng ông T, bà H không thực hiện. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 24.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 28/9/2017 là 5.697.120 đồng, tổng cộng 29.697.120 đồng và chịu lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

**Tại bản khai ngày 19/6/2017, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Nhựt T trình bày:*

Ông thông nhất và thừa nhận vào ngày 28/4/2014 vợ chồng ông có vay của Ngân hàng Chính sách số tiền là 25.000.000 đồng, mục đích để nuôi bò phát triển kinh tế, thời hạn vay là 36 tháng với lãi suất 0,78%/tháng, lãi quá hạn 1,014%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 19/4/2017, ông đã trả vốn cho Ngân hàng được 1.000.000 đồng, nhưng do chăn nuôi thua lỗ nên chưa trả nợ được cho Ngân hàng; Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông và bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả số nợ vốn là 24.000.000 đồng và lãi phát sinh tính đến ngày 28/9/2017 là 5.697.120 đồng, tổng cộng 29.697.120 đồng ông đồng ý trả; ông yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông trả nợ cho Ngân hàng vì khi vay tiền là để nuôi bò phát triển kinh tế gia đình, hiện tại ông và bà H không còn chung sống với nhau.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H quá trình tố tụng trình bày:*

Bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, biết được Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Trần Nhựt T và bà phải liên đới trả số tiền vốn, lãi tính đến ngày 28/9/2017 tổng cộng là 29.697.120 đồng, nhưng bà không đồng ý cùng ông T liên đới trả nợ cho Ngân hàng, vì trước đây giữa bà và ông T có thỏa thuận ông T là người trực tiếp trả nợ cho Ngân hàng.

Bà Trần Thị H đã được Tòa án tổng đạt thông báo giao nộp chứng cứ, tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai để dự các phiên công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử sơ thẩm nhưng bà H vắng mặt không có lý do. Tòa án xét xử vắng mặt bà H là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (thông qua Phòng giao dịch huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre) thì vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; Bị đơn ông Trần Nhật T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H có nơi cư trú tại ấp AH, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre; Do đó, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tạm ứng án phí: Ngân hàng Chính sách xã hội khởi kiện thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do; ông Huỳnh Hiếu T đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách xã hội có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà H, ông T là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại sổ vay vốn mã KH: 5500076034 và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, chương trình cho vay hộ cận nghèo thể hiện ngày 28/4/2014 Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (thông qua Phòng giao dịch huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre) có cho ông Trần Nhật T vay vốn với số tiền là 25.000.000 đồng, mục đích để nuôi bò phát triển kinh tế, thời hạn là 36 tháng với lãi suất 0,78%/tháng, lãi quá hạn 1,014%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 19/4/2017; Ngày 11/9/2014 ông Trần Nhật T đã trả cho Ngân hàng được 1.000.000 đồng tiền vốn, số tiền vốn còn lại là 24.000.000 đồng; Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Trần Nhật T thừa nhận có vay vốn và còn nợ tiền vốn và tiền lãi tính đến ngày 28/9/2017 là 29.697.120 đồng (hai mươi chín triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn một trăm hai mươi đồng) nên nguyên đơn không cần phải chứng minh được quy định Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Đối với yêu cầu của Ngân hàng buộc bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông Trần Nhật T trả số tiền vốn vay, tiền lãi tính đến ngày 28/9/2017 là 29.697.120 đồng (hai mươi chín triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn một trăm hai mươi đồng) và đến khi trả xong nợ gốc; Quá trình tố tụng bà Trần Thị H cho rằng bà và ông T có thỏa thuận, ông T là người trực tiếp trả nợ cho Ngân hàng nhưng bà H không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh, ông T không thừa nhận giữa ông và bà H có thỏa thuận như bà H trình bày. Mặt khác, ông Trần Nhật T vay vốn của Ngân

hàng chính sách theo chương trình cho vay hộ cận nghèo, mục đích vay nhằm để chăn nuôi bò phát triển kinh tế gia đình, tại thời điểm vay ông T và bà H vẫn còn là vợ chồng, theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng:

"1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này".

Từ các căn cứ nêu trên, xét thấy cần buộc trách nhiệm liên đới của bà Trần Thị H cùng ông Trần Nhựt T phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay cho Ngân hàng chính sách là có căn cứ.

Các đương sự không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

[4] Về án phí: Do khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận ông Trần Nhựt T, bà Trần Thị H phải liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch với số tiền là 29.697.120 đồng x 5% = 1.484.856 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 147, 227, 228, 273 và 280 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, 474, 475 và 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam. Buộc ông Trần Nhựt T và bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (thông qua Phòng giao dịch huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre) số tiền tổng cộng là 29.697.120 đồng (hai mươi chín triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn một trăm hai mươi đồng) [Trong đó 24.000.000 đồng tiền vốn, tiền lãi là 5.697.120 đồng]. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Trần Nhựt T và bà Trần Thị H còn phải có nghĩa vụ liên đới tiếp tục chịu lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: ông Trần Nhựt T, bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ liên đới chịu 1.484.856 đồng (một triệu bốn trăm tám mươi bốn ngàn tám trăm năm mươi sáu đồng)

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THA DS huyện P;
- VKSND huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương